

Bản án số: 40/2017/HSST

Ngày: 14-8-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bắc;

2. Bà Lê Thị Phạm Thị P Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2017/TLST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2017, theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 41/2017/HSST-QĐ ngày 02 tháng 8 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Thị Kim A, sinh năm 1970, tại LA; hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh B; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: Nội trợ; dân tộc: Kinh; con ông Lê Đình X, sinh năm 1942 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1935; có chồng tên Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1965; có 02 con (con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1995); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/3/2017 đến ngày 06/6/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Thị Thu S (tên gọi khác là L), sinh năm 1980, tại BD; hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp B, xã A, huyện D, tỉnh B; trình độ văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: Làm thuê; dân tộc: Kinh; con ông (không rõ tên, năm sinh, địa chỉ) và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1957; có chồng tên Bùi Tấn T, sinh năm 1977 (đã ly hôn); có 02 con (con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2001); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/3/2017 đến ngày 06/6/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Phạm Thị P, sinh năm 1967, tại BD; hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp B, xã A, huyện D, tỉnh B; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp:

Làm rẫy; dân tộc: Kinh; con ông Phạm Văn P, sinh năm 1930 (đã chết) và bà Lê Thị R, sinh năm 1933; có chồng tên Nguyễn Văn H, sinh năm 1971; có 02 con (con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2002); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/3/2017 đến ngày 27/6/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Nguyễn Văn V, sinh năm 1964, tại TN; hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh T; nơi cư trú: Ấp C, xã A, huyện D, tỉnh B; trình độ văn hóa: 2/12; nghề nghiệp: Làm rẫy; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1940 (đã chết) và bà Nguyễn Thị P sinh năm 1942 (đã chết); có vợ tên Nguyễn Thị N, sinh năm 1960; có 01 người con sinh năm 1996; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/3/2017 đến ngày 27/6/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Ngô Văn S (tên gọi khác là Đ), sinh năm 1981, tại BD; hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh B; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Làm thuê; dân tộc: Kinh; con ông Ngô Văn Đ, sinh năm 1936 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1939; có vợ tên Phan Thị Thúy H, sinh năm 1982 (ly hôn); có 01 người con sinh năm 2006; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/3/2017 đến ngày 27/6/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Cao Văn T, sinh năm 1966, tại BD; hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp Đ, xã A, huyện D, tỉnh B; trình độ văn hóa: 06/12; nghề nghiệp: Làm rẫy; dân tộc: Kinh; con ông Cao Văn C, sinh năm 1941 (đã chết) và bà Phạm Thị N, sinh năm 1945 (đã chết); có vợ tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1970; có 02 con (con lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2002); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/3/2017 đến ngày 27/6/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: Nguyễn Thanh T, sinh năm 1977, tại BD; hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh B; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: Làm thuê; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1949; có vợ tên Huỳnh Thị C, sinh năm 1979 (đã ly hôn); có 01 người con sinh năm 1997; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/3/2017 đến ngày 27/6/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: Lê Thị Bạch Y, sinh năm 1966, tại LA; hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp H, xã A, huyện D, tỉnh B; trình độ văn hóa: 5/12; nghề nghiệp: Hưu trí; dân tộc: Kinh; con ông Lê Đình X, sinh năm 1942 (đã chết) và Nguyễn Thị T, sinh năm 1935; có chồng tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1965; có 02 con (con lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1992); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/4/2017 đến ngày 27/6/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Thu L (tên gọi khác là L1) sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh B (có mặt).
2. Ông Ngô Đình Q, sinh năm 1969; hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp Đ, xã A, huyện D, tỉnh B (có mặt).
3. Ông Hồ Văn S, sinh năm 1993; hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh B (có mặt).
4. Ông Trần Quốc T, sinh năm 1982; hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp C, xã A, huyện D, tỉnh B (có mặt).
5. Bà Lê Thị Thúy H, sinh năm 1970; hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh B (có mặt).
6. Ông Nguyễn Văn Q (tên gọi khác là Chín Quân), sinh năm 1959; hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh B (có mặt).
7. Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1979; hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh B (có mặt).
8. Bà Lê Thị N, sinh năm 1969; hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp P, xã A, huyện D, tỉnh B (có đơn xin vắng mặt).
9. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1973; hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp Đ, xã A, huyện D, tỉnh B (có mặt).
10. Bà Trần Thị H, sinh năm 1981; hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp Thanh Tân, xã Thanh An, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị Kim A, Phạm Thị P, Nguyễn Thanh T, Cao Văn T, Nguyễn Văn V, Ngô Văn S, Nguyễn Thị Thu S và Lê Thị Bạch Y là chị em, bạn bè quen biết nhau nên thường đến nhà nhau chơi. Lê Thị Kim A đã nhiều lần cho các con bạc chơi đánh bạc tại nhà mình, cho mượn mền để trải, cung cấp bài tây, phục vụ các đối tượng nước uống, đồ ăn nhưng các lần chơi trước đều chơi vui, không thắng thua bằng tiền và Lê Thị Kim A không thu tiền xâu.

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 09/3/2017, Công an huyện Dầu Tiếng phối hợp cùng Công an xã Thanh An, huyện Dầu Tiếng bắt quả tang tại nhà Lê Thị Kim A ở ấp C, xã T, huyện D 07 đối tượng gồm: Phạm Thị P, Nguyễn Thanh T, Cao Văn T, Nguyễn Văn V, Ngô Văn S, Nguyễn Thị Thu S, Lê Thị Bạch Y đang đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài binh xập xám, nhiều người chơi với nhau, làm cái xoay vòng. Các đối tượng sử dụng bộ bài tây 52 lá, chia đều cho 4 tụ bài. Đến lúc bị bắt các đối tượng chơi được khoảng 20-25 ván, mỗi ván đặt cược từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng. Khi bắt, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã thu giữ các vật chứng gồm:

* Thu giữ tại chiều bạc:

- Tiền Việt Nam 2.970.000 đồng;
- 01 cái mền màu nâu, kẻ sọc đỏ vàng;
- 01 bộ bài tây 52 lá đã sử dụng;
- 01 hộp nhựa hình bát giác, hình trụ;
- 04 xe mô tô các loại gồm:
 - + 01 xe mô tô loại Wave, màu sơn đen-xám, biển số 61L3-2189, số khung: Y873198, số máy: 6694528;
 - + 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, màu sơn xanh-đen-bạc, biển số: 61H1-200.63, số khung: 032934, số máy: HO 032934;
 - + 01 xe mô tô Yamaha Sirius, màu sơn đen-đỏ, biển số 61H1-103.02, số khung: Y595810, số máy: 595860;
 - + 01 xe mô tô Yamaha Sirius, màu sơn đỏ-đen, biển số: 61H1-124.61, số khung Y 593550, số máy: 593611.

* Thu giữ trên người các đối tượng:

1. Lê Thị Kim A: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 2730 màu đen và tiền Việt Nam 30.000 đồng;
2. Nguyễn Thanh T: 01 bóp da màu đen bên trong có tiền Việt Nam 2.042.000 đồng và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 61L3-2189;
3. Nguyễn Văn V: Tiền Việt Nam 500.000 đồng;
4. Nguyễn Thị Thu S: 01 điện thoại di động Nokia C2-01 màu bạc;
5. Ngô Văn S: Tiền Việt Nam 426.000 đồng.

Quá trình điều tra xác Đ các bị cáo tham gia chơi đánh bạc với tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 5.938.000 đồng, cụ thể:

- Khoảng 14 giờ ngày 09/3/2017, Lê Thị Kim A cung cấp bài tây, mền để trải, đồ ăn, thức uống cho các đối tượng chơi đánh bạc và đồng thời thu tiền xâu. Trong ngày 09/3/2017, tại nhà Lê Thị Kim A có 07 đối tượng chơi đánh bạc, Lê Thị Kim A thu được 210.000 đồng tiền xâu.

- Khoảng 14 giờ ngày 09/3/2017, Nguyễn Thị Thu S quá giang người đi đường đến nhà Lê Thị Kim A để đóng tiền hụi. Cùng thời gian này có Lê Thị Bạch Y là chị gái Lê Thị Kim A, Nguyễn Thị Thu S sang nhà Lê Thị Kim A đóng tiền hụi, Phạm Thị P là bạn Lê Thị Kim A đến để chơi với Lê Thị Kim A và Nguyễn Văn V đến chơi với chồng Lê Thị Kim A. Ngồi chơi được khoảng 10 phút thì Nguyễn Thị Thu S, Lê Thị Bạch Y, Phạm Thị P và Nguyễn Văn V rủ nhau chơi đánh bài binh xập xám thắng thua bằng tiền (không nhớ ai rủ). Lê Thị Kim A cho mượn 01 cái mền màu nâu, kẻ sọc đỏ vàng để trải ra chơi bài, cho mượn bộ bài tây 52 lá và để sẵn 01 hộp nhựa để thu tiền xâu.

- Nguyễn Thị Thu S sử dụng số tiền 600.000 đồng chơi đánh bạc. Cả bọn chơi được khoảng 30 phút (lúc này Nguyễn Thị Thu S không thắng không thua) thì Nguyễn Thanh T đến, Nguyễn Thanh T và Nguyễn Thị Thu S chơi chung 01 tụ, mỗi người hùn 600.000 đồng, chơi được khoảng 20 ván, thắng được 1.300.000 đồng. Số tiền này Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Thu S bỏ trên chiếu bạc.

- Phạm Thị P là bạn của Lê Thị Kim A, P thường đến nhà Lê Thị Kim A chơi. Khoảng 14 giờ cùng ngày, P đến nhà Lê Thị Kim A chơi, gặp Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị Thu S và Lê Thị Bạch Y. Bốn người rủ nhau chơi đánh bài binh xập xám thắng thua bằng tiền (không nhớ ai rủ). Phạm Thị P dùng số tiền 500.000 đồng để chơi đánh bạc. Lúc đầu Phạm Thị P chơi 01 tụ, thua 100.000 đồng sau đó hùn với Cao Văn T chơi chung 01 tụ, mỗi người hùn 400.000 đồng, chơi được khoảng 16 ván, không xác thắng thua.

- Khoảng 14 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn V điều khiển xe tô Yamaha Sirius, màu sơn đen-đỏ, biển số 61H1-103.02, số khung: Y595810, số máy: 595860 đến nhà Lê Thị Kim A để chơi. Đến nhà Lê Thị Kim A, Nguyễn Văn V gặp Lê Thị Bạch Y, Phạm Thị P và Nguyễn Thị Thu S đang ở đó. Bốn người rủ nhau chơi bài binh xập xám thắng thua bằng tiền (không nhớ ai rủ). Nguyễn Văn V sử dụng số tiền 800.000 đồng để chơi đánh bạc. Lúc đầu, Nguyễn Văn V chơi một tụ, khoảng 30 phút sau, Nguyễn Văn V chơi chung tụ với Ngô Văn S, mỗi người hùn 300.000 đồng để đánh bạc. Nguyễn Văn V bỏ tiền ra trước, nếu thua Ngô Văn S sẽ bỏ tiền ra chơi tiếp. Nguyễn Văn V và Ngô Văn S chơi được khoảng 20 ván, thắng được 300.000 đồng.

- Khoảng 14 giờ cùng ngày, Lê Thị Bạch Y quá giang người đi đường đến nhà Lê Thị Kim A (bút lục 49) để đóng tiền hụi cho Lê Thị Kim A. Khi đến nhà Lê Thị Kim A, Lê Thị Bạch Y gặp Nguyễn Thị Thu S, Phạm Thị P và Nguyễn Văn V, bốn người rủ nhau chơi đánh bài binh xập xám thắng thua bằng tiền (không nhớ ai rủ). Lê Thị Bạch Y dùng 1.000.000 đồng để đánh bạc. Lê Thị Bạch Y chơi 01 tụ, chơi khoảng 20 ván, khi Công an đến bắt Lê Thị Bạch Y đi vệ sinh sau đó bỏ trốn nên không xác Đ thắng thua.

- Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Thanh T điều khiển xe mô tô Wave, màu sơn đen-xám, biển số 61L3-2189, số khung: Y873198, số máy: 6694528, đi ngang qua nhà Lê Thị Kim A, thấy có đánh bạc nên ghé vào chơi. Nguyễn Thanh T hùn tiền chơi chung tụ với Nguyễn Thị Thu S. Hai người thống nhất, mỗi người bỏ ra số tiền 600.000 đồng chơi đánh bạc. Nguyễn Thị Thu S bỏ tiền ra trước, Nguyễn Thanh T chưa bỏ ra, nếu thua số tiền Nguyễn Thị Thu S bỏ ra trước thì Nguyễn Thanh T sẽ bỏ 600.000 của mình ra chơi. Chơi được khoảng 20 ván, thắng được 1.300.000 đồng.

- Ngô Văn S đã nhiều lần chơi đánh bạc ở nhà Lê Thị Kim A. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, biết nhà Lê Thị Kim A có tổ chức chơi đánh bạc nên Ngô Văn S điều khiển mô tô nhãn hiệu SYM, màu sơn xanh-đen-bạc, biển số: 61H1-200.63, số khung: 032934, số máy: HO032934, mang theo 426.000 đồng để dưới cốp xe đi đến nhà Lê Thị Kim A để tham gia đánh bạc. Ngô Văn S hùn

tiền với Nguyễn Văn V để chơi chung 01 tụ, mỗi người hùn 300.000 đồng, Nguyễn Văn V bỏ tiền ra trước, nếu thua Ngô Văn S bỏ tiền ra chơi tiếp. Chơi được khoảng 20 ván, thắng được 300.000 đồng.

- Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, Cao Văn T điều khiển xe mô tô Yamaha Sirius, màu sơn đỏ-đen, biển số: 61H1-124.61, số khung Y 593550, số máy: 593611 đi từ nhà ở ấp Đ, xã A, huyện D đến nhà bạn Cao Văn T ở ấp C, xã T, huyện D để chơi. Khi đi ngang qua nhà Lê Thị Kim A, Cao Văn T thấy có đánh bạc nên ghé vào chơi. Cao Văn T dùng 400.000 đồng để chơi đánh bạc, Cao Văn T chơi chung tụ với Phạm Thị P, chơi khoảng 16 ván, không xác Đ được thắng thua.

Quá trình điều tra mở rộng xác định, ngoài việc tổ chức đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài binh xập xám tại nhà của mình, Lê Thị Kim A còn tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức ghi số đề cho 10 đối tượng bằng cách nhắn tin qua điện thoại di động. Ngày 09/3/2017, Lê Thị Kim A tổ chức ghi đề dựa trên kết quả xổ số Đài tỉnh Tây Ninh và xổ số Miền Bắc cho các đối tượng sau:

1. Bà Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1984, ngụ ấp C, xã T, huyện D, nhắn tin ghi số đề với số tiền là 196.000 đồng, dựa trên kết quả xổ số Đài tỉnh Tây Ninh. Liên chưa trả tiền cho Lê Thị Kim A.

2. Ông Ngô Đình Q, sinh năm 1969, ngụ ấp C, xã A, huyện D, nhắn tin ghi số đề với số tiền là 1.120.000 đồng, dựa trên kết quả xổ số Đài tỉnh Tây Ninh. Quốc chưa trả tiền cho Lê Thị Kim A.

3. Ông Hồ Văn S, sinh năm 1993, ngụ ấp C, xã T, huyện D, nhắn tin ghi số đề với số tiền là 1.148.000 đồng, dựa trên kết quả xổ số Đài tỉnh Tây Ninh. Sự chưa trả tiền cho Lê Thị Kim A.

4. Ông Trần Quốc T, sinh năm 1982, ngụ ấp C, xã A, huyện D, nhắn tin ghi số đề với số tiền là 1.204.000 đồng, dựa trên kết quả xổ số Đài tỉnh Tây Ninh và 560.000 đồng, dựa trên kết quả xổ số Đài Miền Bắc. Cao Văn T chưa trả tiền cho Lê Thị Kim A.

5. Bà Lê Thị Bạch Y (bị cáo trong vụ án), nhắn tin ghi số đề với số tiền là 1.426.000 đồng, dựa trên kết quả xổ số Đài tỉnh Tây Ninh. Lê Thị Bạch Y chưa trả tiền cho Lê Thị Kim A.

6. Bà Lê Thị Thúy H, sinh năm 1970, ngụ ấp C, xã T, huyện D, nhắn tin ghi số đề với số tiền là 924.000 đồng, dựa trên kết quả xổ số Đài tỉnh Tây Ninh và 240.000 đồng, dựa trên kết quả xổ số Đài Miền Bắc. H chưa trả tiền cho Lê Thị Kim A.

7. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1959, ngụ ấp C, xã T, huyện D, nhắn tin ghi số đề với số tiền là 985.000 đồng, dựa trên kết quả xổ số Đài tỉnh Tây Ninh. Quân chưa trả tiền cho Lê Thị Kim A.

8. Bà Nguyễn Thị Thu S (bị cáo trong vụ án), ghi số đề với số tiền là 30.000 đồng, dựa trên kết quả xổ số Đài tỉnh Tây Ninh, Nguyễn Thị Thu S đã trả tiền cho Lê Thị Kim A.

9. Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1979, ngụ ấp C, xã T, huyện D ghi số đề với số tiền là 4.000 đồng, dựa trên kết quả xổ số Đài Miền Bắc. Bình chưa trả tiền cho Lê Thị Kim A.

10. Bà Lê Thị N, sinh năm 1969, ngụ ấp P, xã A, huyện D ghi số đề với số tiền là 310.000 đồng, dựa trên kết quả xổ số Đài tỉnh Tây Ninh. N chưa trả tiền cho Lê Thị Kim A.

Tổng số tiền các con bạc nhả tin ghi số đề cho Lê Thị Kim A là 8.339.000 đồng nhưng chỉ có Nguyễn Thị Thu S là trả tiền ghi đề cho Lê Thị Kim A là 30.000 đồng, còn các đối tượng khác chưa trả tiền ghi đề cho Lê Thị Kim A.

Đối với hành vi đánh bạc (ghi số đề) của Lê Thị N, Huỳnh Văn B, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị Thu L, Ngô Đình Q, Lê Thị Thúy H, Hồ Văn S, Trần Quốc T không cấu thành tội phạm nên ngày 31/5/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện Dầu Tiếng đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78/QĐ –XPHC đối với các đối tượng trên.

Tại Bản Cáo trạng số: 39/QĐ/KSĐT ngày 03/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Lê Thị Kim A, Nguyễn Thị Thu S, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn V, Ngô Văn S, Cao Văn T, Phạm Thị P và Lê Thị Bạch Y về tội “Đánh bạc” theo quy Đ tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng giữ nguyên quan điểm và quyết Đ truy tố đối với các bị cáo Lê Thị Kim A, Nguyễn Thị Thu S, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn V, Ngô Văn S, Cao Văn T, Phạm Thị P và Lê Thị Bạch Y về tội “Đánh bạc” theo quy Đ tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự và đề nghị:

- Về hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị Kim A từ 05 tháng tù đến 06 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu S từ 03 tháng tù đến 04 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị P từ 03 tháng tù đến 04 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị Bạch Y, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn V, Ngô Văn S, Cao Văn T, mỗi bị cáo từ 03 tháng tù đến 04 tháng tù.

- Về biện pháp tư pháp:

+ 01 cái mền màu nâu, kẻ sọc đỏ vàng; 01 bộ bài tây 52 lá đã sử dụng; 01 hộp nhựa hình bát giác, hình trụ, xét thấy đây là công cụ sử dụng vào việc đánh bạc nên tịch thu tiêu hủy.

+ Tiền Việt Nam 2.970.000 đồng thu trên chiếu bạc là tiền dùng vào việc đánh bạc nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

+ Tiền Việt Nam 2.998.000 đồng (trong đó, 30.000 đồng thu trên người bị cáo Lê Thị Kim A là tiền ghi đề của bị cáo Nguyễn Thị Thu S + 2.042.000 đồng thu trên người bị cáo Nguyễn Thanh T + 500.000 đồng thu trên người bị cáo Nguyễn Văn V + 426.000 đồng thu trên người bị cáo Nguyễn Thị Thu S), xét thấy đây là tiền sử dụng vào việc đánh bạc nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

+ Đối với 01 xe mô tô loại Wave, màu sơn đen-xám, biển số 61L3-2189, số khung: Y873198, số máy: 6694528 và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 61L3-2189 tài sản hợp pháp của bị cáo Nguyễn Thanh T, do bị cáo Nguyễn Thanh T đứng tên chủ sở hữu. Bị cáo Nguyễn Thanh T không sử dụng xe vào mục đích phạm tội nên trả lại xe và giấy đăng ký xe cho bị cáo Nguyễn Thanh T.

+ Đối với 01 xe mô tô Yamaha Sirius, màu sơn đỏ-đen, biển số: 61H1-124.61, số khung Y 593550, số máy: 593611 là tài sản hợp pháp của bị cáo Cao Văn T, do bị cáo Cao Văn T đứng tên chủ sở hữu. Bị cáo Cao Văn T không sử dụng xe mô tô này vào mục đích phạm tội nên trả lại cho bị cáo Cao Văn T.

+ Đối 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, màu sơn xanh-đen-bạc, biển số: 61H1-200.63, số khung: 032934, số máy: HO 032934 là tài sản hợp pháp của bà Trần Thị H, sinh năm 1981; HKTT: Ấp T, xã T, huyện D, tỉnh B. Ngày 09/3/2017, bị cáo S mượn xe của bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H không biết bị cáo S sử dụng xe đi đánh bạc nên trả lại xe mô tô trên cho bà Nguyễn Thị H.

+ Đối với 01 xe mô tô Yamaha Sirius, màu sơn đen-đỏ, biển số 61H1-103.02, số khung: Y595810, số máy: 595860 là tài sản hợp pháp của bà Lê Thị Đ, sinh năm 1973; HKTT: Ấp C, xã A, huyện D (con riêng của vợ bị cáo Nguyễn Văn V). Ngày 09/3/2017, bị cáo Nguyễn Văn V mượn xe của bà Đào, bà Đào không biết bị cáo Nguyễn Văn V sử dụng xe đi đánh bạc nên trả lại xe mô tô trên cho bà Lê Thị Đ.

+ Đối với 01 bóp da màu đen là tài sản hợp pháp của bị cáo Nguyễn Thanh T. Bị cáo Nguyễn Thanh T không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh T.

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 2730 màu đen, đây là công cụ bị cáo Lê Thị Kim A sử dụng vào việc đánh bạc nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

+ Đối với 01 điện thoại di động Nokia C2-01 màu bạc, đây là tài sản của bị cáo Nguyễn Thị Thu S. Bị cáo Nguyễn Thị Thu S dùng điện thoại này để nhắn tin ghi số đề với Lê Thị Kim A, nhưng hành vi ghi số đề của bị cáo Nguyễn Thị Thu S không cấu thành tội phạm nên trả lại điện thoại cho bị cáo Nguyễn Thị Thu S.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Thị Kim A, Nguyễn Thị Thu S, Phạm Thị P, Nguyễn Thanh T, Cao Văn T, Nguyễn Văn V, Ngô Văn S, Lê Thị Bạch Y thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải xin và Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm có điều kiện cải tạo làm công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chấp nhận bị xử lý vi phạm hành chính, không có ý kiến gì khác.

NHẬN Đ CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết Đ tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định và không ai khiếu nại gì về việc tiến hành các hoạt động tố tụng đối với vụ án.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Thị Kim A, Nguyễn Thị Thu S, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn V, Ngô Văn S, Cao Văn T, Phạm Thị P và Lê Thị Bạch Y đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản Cáo trạng đã truy tố, cụ thể:

- Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 09/3/2017, tại nhà bị cáo Lê Thị Kim A tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện D, bị cáo Lê Thị Kim A đã cho các bị cáo Phạm Thị P, Nguyễn Thanh T, Cao Văn T, Nguyễn Văn V, Ngô Văn S, Nguyễn Thị Thu S và Lê Thị Bạch Y mượn địa điểm chơi đánh bạc tại nhà mình thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài binh xập xám. Bị cáo Lê Thị Kim A còn cung cấp bài tây, mền, đồ ăn, thức uống cho các đối tượng chơi đánh bạc và thu tiền xâu. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Dầu Tiếng bắt quả tang, tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 5.938.000 đồng.

- Trong ngày 09/3/2017, bị cáo Lê Thị Kim A còn đánh bạc dưới hình thức ghi số đề thắng thua bằng tiền cho 10 đối tượng (trong đó có bị cáo Lê Thị Bạch Y và bị cáo Nguyễn Thị Thu S) với tổng số tiền thu được từ việc ghi đề là 8.339.000 đồng nhưng thực tế bị cáo Lê Thị Kim A mới nhận được 30.000 đồng tiền ghi đề, số tiền còn lại các đối tượng ghi đề chưa trả cho Lê Thị Kim A.

[3] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở xác định Cáo trạng số 39/QĐ/KSĐT ngày 03/7/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương truy tố đối với các bị cáo Lê Thị Kim A, Nguyễn Thị Thu S, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn V, Ngô Văn S, Cao Văn T, Phạm Thị P và Lê Thị Bạch Y về tội “Đánh bạc” theo quy Đ tại Điều 248 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo tuy đơn giản nhưng rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng nơi xảy ra vụ án, là hệ lụy kéo theo nhiều tệ nạn xã hội khác, làm cho quần chúng nhân dân mất lòng tin vào chính quyền khi để tệ nạn xã hội xảy ra tại địa phương mình quản lý.

[5] Xét tính chất, hành vi và mức độ phạm tội của các bị cáo thì vụ án có tính đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, không có tổ chức chặt chẽ cho từng thành viên. Tuy nhiên, để cá thể hóa hình phạt cho từng bị cáo thì phải xem xét vai trò cụ thể của mỗi bị cáo khi thực hiện tội phạm:

- Bị cáo Lê Thị Kim A: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực để nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, thế nhưng bị cáo bất chấp hậu quả, thực hiện tội phạm và lôi kéo những người khác tham gia đánh bạc. Bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, có các hành vi như cho mượn địa điểm, cung cấp bài tây, mên, đồ ăn, thức uống cho các đối tượng chơi đánh bạc dưới hình thức đánh bài binh xập xám và thu tiền xâu được số tiền là 210.000 đồng. Đây là hành vi của người tổ chức nhưng do chưa đủ về định lượng để truy tố về tội tổ chức đánh bạc nên bị truy tố về tội đánh bạc với vai trò là đồng phạm. Ngoài ra, bị cáo Lê Thị Kim A còn ghi số đề cho 10 đối tượng tham gia với tổng số tiền ghi đề là 8.339.000 đồng nên bị cáo bị truy tố về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội khóa 14 là phù hợp.

- Các bị cáo Nguyễn Thị Thu S, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn V, Ngô Văn S, Cao Văn T, Phạm Thị P và Lê Thị Bạch Y: Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực để nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, thế nhưng các bị cáo bất chấp hậu quả để tham gia. Các bị cáo là những người trực tiếp tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài binh xập xám. Khi bị bắt giữ và qua điều tra đã xác định được tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 5.938.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Thu S, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn V, Ngô Văn S, Cao Văn T, Phạm Thị P và Lê Thị Bạch Y về tội “Đánh bạc” theo quy Đ tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội khóa 14 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[6] Ngoài ra, đối với hai bị cáo Nguyễn Thị Thu S và Lê Thị Bạch Y, ngoài hành vi phạm tội đánh bạc dưới hình thức đánh bài binh xập xám, hai bị cáo còn có hành vi tham gia ghi số đề. Mặc dù hành vi ghi số đề không cấu thành tội “Đánh bạc” theo Điều 248 của Bộ luật Hình sự nhưng hành vi này thể hiện tính chất, mức độ nặng hơn so với các bị cáo khác trong vụ án này và bị cáo Lê Thị Bạch Y phải nặng hơn bị cáo Nguyễn Thị Thu S vì số tiền tham gia nhiều hơn.

[7] Để các bị cáo thấy được sự nghiêm minh của pháp luật và đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mà đặc biệt là tội phạm xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng nên cần phải xử lý nghiêm bằng hình phạt đối với các bị cáo nhằm có điều kiện giáo dục và cải tạo các bị cáo thành người công dân tốt sau này, đồng thời cũng nhằm răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[8] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như:

- Các bị cáo đều thuộc trường hợp phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu S được áp dụng thêm tình tiết là hiện nay có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận theo quy định khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo Phạm Thị P được áp dụng thêm tình tiết là có bà nội là Mẹ Việt Nam anh hùng, cha và chú là liệt sĩ theo quy Đ khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

[9] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Thị Kim A có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần (đồng phạm đánh bạc dưới hình thức đánh bài binh xập xám và ghi số đề) theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nguyễn Thị Thu S, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn V, Ngô Văn S, Cao Văn T, Phạm Thị P và Lê Thị Bạch Y không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[10] Xét thấy, các bị cáo đều thuộc thành phần lao động nghèo, có thu nhập không cao nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo khoản 3 Điều 248 của Bộ luật Hình sự.

[11] Ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo về phần tội danh, điều khoản truy tố và mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo Lê Thị Kim A, Nguyễn Thị Thu S, Phạm Thị P, Nguyễn Văn V, Cao Văn T, Ngô Văn S và Nguyễn Thanh T là có căn cứ phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên về hình phạt đối với bị cáo Lê Thị Bạch Y như Viện kiểm sát đề nghị là chưa tương xứng so với hành vi, tính chất, mức độ tội phạm mà bị cáo đã thực hiện, bị cáo Lê Thị Bạch Y tham gia đánh ngay từ đầu và có hành vi ghi số đề mà số tiền ghi đề nhiều hơn bị cáo Nguyễn Thị Thu S nên phải bị xét xử mức án cao hơn so với các bị cáo còn lại.

[12] Xét thấy, hai bị cáo Nguyễn Thị Thu Sang và Lê Thị Bạch Y có nhiều tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, có khả năng tự cải tạo việc không bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng không ảnh hưởng xấu trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm cũng như thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta nên cho bị cáo được

hưởng án treo theo Điều 60 của Bộ luật Hình sự và được hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[13] Về biện pháp tư pháp:

- Đối với 01 cái mền màu nâu, kẻ sọc đỏ vàng; 01 bộ bài tây 52 lá đã sử dụng; 01 hộp nhựa hình bát giác, hình trụ, xét thấy đây là công cụ sử dụng vào việc đánh bạc, nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền Việt Nam 2.970.000 đồng thu trên chiếu bạc là tiền dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền Việt Nam 2.998.000 đồng (trong đó, 30.000 đồng thu trên người bị cáo Lê Thị Kim A là tiền ghi đề của bị cáo Nguyễn Thị Thu S 2.042.000 đồng thu trên người bị cáo Nguyễn Thanh T + 500.000 đồng thu trên người bị cáo Nguyễn Văn V + 426.000 đồng thu trên người bị cáo Ngô Văn S), xét thấy đây là tiền sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 xe mô tô loại Wave màu đen –xám, biển số 61L3-2189, số khung: Y873198, số máy: 6694528 và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 61L3-2189 tài sản hợp pháp của bị cáo Nguyễn Thanh T, do bị cáo Nguyễn Thanh T đứng tên chủ sở hữu. Bị cáo Nguyễn Thanh T không sử dụng xe vào mục đích phạm tội nên trả lại xe và giấy đăng ký xe cho bị cáo Nguyễn Thanh T.

- Đối với 01 xe mô tô Yamaha Sirius màu sơn đỏ, đen, biển số: 61H1-124.61, số khung Y 593550, số máy: 593611 là tài sản hợp pháp của bị cáo Cao Văn T, do bị cáo Cao Văn T đứng tên chủ sở hữu. Bị cáo Cao Văn T không sử dụng xe mô tô này vào mục đích phạm tội nên trả lại cho bị cáo Cao Văn T.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, màu xanh-đen- bạc, biển số: 61H1-200.63, số khung: 032934, số máy: HO 032934 là tài sản hợp pháp của bà Trần Thị H, sinh năm 1981, HKTT: Ấp T, xã T, huyện D, tỉnh B. Ngày 09/3/2017, bị cáo Ngô Văn S mượn xe của bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H không biết bị cáo Ngô Văn S sử dụng xe đi đánh bạc nên trả lại xe mô tô trên cho bà Nguyễn Thị H.

- Đối với 01 xe mô tô Yamaha Sirius, màu sơn đen đỏ, biển số 61H1-103.02, số khung: Y595810, số máy: 595860 là tài sản hợp pháp của bà Lê Thị Đ, sinh năm 1973, HKTT: Ấp C, xã A, huyện D (con riêng của vợ bị cáo Nguyễn Văn V). Ngày 09/3/2017, bị cáo Nguyễn Văn V mượn xe của bà Lê Thị Đ, bà Đ không biết bị cáo Nguyễn Văn V sử dụng xe đi đánh bạc nên trả lại xe mô tô trên cho bà Lê Thị Đ.

- Đối với 01 bóp da màu đen là tài sản hợp pháp của bị cáo Nguyễn Thanh T. Bị cáo Nguyễn Thanh T không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh T.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 2730 màu đen, xác Đ đây là công cụ bị cáo Lê Thị Kim A sử dụng vào việc đánh bạc nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động Nokia C2-01 màu bạc, xác định đây là tài sản của bị cáo Nguyễn Thị Thu S. Bị cáo Nguyễn Thị Thu S dùng điện thoại này để nhắn tin ghi số đề với Lê Thị Kim A, nhưng hành vi ghi số đề của bị cáo Nguyễn Thị Thu S không cấu thành tội phạm nên trả lại điện thoại cho bị cáo Nguyễn Thị Thu S.

[14] Đối với hành vi đánh bạc (ghi số đề) của các đối tượng Lê Thị N, Huỳnh Văn B, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị Thu L, Ngô Đình Q, Lê Thị Thúy H, Hồ Văn S, Trần Quốc T là đánh bạc dưới 5.000.000 đồng, hành vi không cấu thành tội phạm nên ngày 31/5/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, không xử lý hình sự là phù hợp.

[15] Các bị cáo Lê Thị Kim A, Nguyễn Thị Thu S, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn V, Ngô Văn S, Cao Văn T, Phạm Thị P và Lê Thị Bạch Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Hình phạt: Tuyên bố các bị cáo Lê Thị Kim A, Nguyễn Thị Thu S (tên gọi khác là L), Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn V, Ngô Văn S (tên gọi khác là Đ), Cao Văn T, Phạm Thị P và Lê Thị Bạch Y phạm tội “Đánh bạc”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điều 20; Điều 33; Điều 53; điểm h, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội khóa 14, xử phạt bị cáo Lê Thị Kim A 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 09/3/2017 đến ngày 06/6/2017.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điều 20; Điều 53; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội khóa 14, xử phạt bị cáo Lê Thị Bạch Y 05 (năm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 14/8/2017).

3. Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điều 20; Điều 53; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội khóa 14, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu S (tên gọi khác là L) 04 (bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 14/8/2017).

Giao các bị cáo Lê Thị Bạch Y và Nguyễn Thị Thu S về Ủy ban nhân dân xã A, huyện D, tỉnh B quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điều 20; Điều 33; Điều 53; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị quyết số: 109/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội khóa 14, xử phạt bị cáo Phạm Thị P 03 tháng 18 ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù bằng với thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 09/3/2017 đến ngày 27/6/2017.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điều 20; Điều 33; Điều 53; điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội khóa 14, xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Văn V 03 tháng 18 ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù bằng với thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 09/3/2017 đến ngày 27/6/2017.

- Bị cáo Ngô Văn S 03 tháng 18 ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù bằng với thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 09/3/2017 đến ngày 27/6/2017.

- Bị cáo Cao Văn T 03 tháng 18 ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù bằng với thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 09/3/2017 đến ngày 27/6/2017.

- Bị cáo Nguyễn Thanh T 03 tháng 18 ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù bằng với thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 09/3/2017 đến ngày 27/6/2017.

II. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 41 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

1. Tịch thu tiêu hủy: 01 cái mền màu nâu, kẻ sọc đỏ vàng; 01 bộ bài tây 52 lá đã sử dụng; 01 hộp nhựa hình bát giác, hình trụ là công cụ sử dụng vào việc phạm tội.

2. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

- Số tiền Việt Nam 5.968.000 đồng (năm triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng) là tiền dùng vào việc phạm tội.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 2730 màu đen thu của bị cáo Lê Thị Kim A.

3. Trả lại các tài sản:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh T 01 xe mô tô loại Wave, màu sơn đen-xám, biển số 61L3-2189, số khung: Y873198, số máy: 6694528 và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 61L3-2189.

- Trả lại cho bị cáo Cao Văn T 01 xe mô tô Yamaha Sirius, màu sơn đỏ-đen, biển số: 61H1-124.61, số khung Y 593550, số máy: 593611.

- Trả lại cho bà Trần Thị H, sinh năm 1981; HKTT: Ấp T, xã T, huyện D, tỉnh B 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, màu sơn xanh-đen-bạc, biển số: 61H1-200.63, số khung: 032934, số máy: HO 032934.

- Trả lại cho bà Lê Thị Đ, sinh năm 1973; HKTT: Ấp Đ, xã A, huyện D, tỉnh B 01 xe mô tô Yamaha Sirius, màu sơn đen-đỏ, biển số 61H1-103.02, số khung: Y595810, số máy: 595860.

- Trả cho bị cáo Nguyễn Thanh T 01 bóp da màu đen.

- Trả cho bị cáo Nguyễn Thị Thu S 01 điện thoại di động Nokia C2-01 màu bạc.

(Tài sản trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/7/2017 và biên lai thu số AA/2013/02266 ngày 30/6/2017).

III. Án phí: Áp dụng các Điều 98, 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Lê Thị Kim A, Nguyễn Thị Thu S, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn V, Ngô Văn S, Cao Văn T, Phạm Thị P và Lê Thị Bạch Y, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 14/8/2017).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy Đ của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV27 Công an tỉnh Bình Dương;
- Công an H. Dầu Tiếng;
- CC THA DS H. Dầu Tiếng;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã A;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Minh Đồng

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Nguyễn Văn Bắc Lê Thị Phạm Thị P
Dung**

Phạm Minh Đồng